

Bản án số: 194/2018/HS-ST
Ngày 29-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pH - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Quyết Thắng.

Bà Nguyễn Thị Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tHg 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân T phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 190/2018/TLST-HS ngày 14 tHg 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tHg 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giáp Văn T**, sinh năm 1985 tại huyện T, tỉnh B; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: đội 9, xã V, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn H, sinh năm 1943 và bà Giáp Thị C, sinh năm 1947; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 4; có vợ là Lương Thị B, sinh năm 1986 và 2 con.

Tiền án: Bản án số 115/2015/HSST ngày 17/9/2015, của Tòa án nhân dân T phố B, xử phạt Giáp Văn T 02 năm 03 tHg tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2017.

Tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/8/2018, bị tạm giữ, tạm giam từ đó đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Giáp Văn T**, sinh năm 1984 tại huyện T, tỉnh B; tên gọi khác: không; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: đội 9, xã V, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn T, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Đồng Thị T,

sinh năm 1964; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 và 2 con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126 ngày 06/7/2018 của Công an T phố B xử phạt Giáp Văn T về hành vi Đánh bạc.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 174 ngày 10/5/2013 của Công an phường H, T phố B xử phạt Giáp Văn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đầu thú ngày 04/8/2018, bị tạm giữ, tạm giam từ đó đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Giáp Văn H, sinh năm 1943. (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Đội 9, xã V, huyện T, tỉnh B.

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1952. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn Chăm, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, T phố B, tỉnh B.

2. Ông Lê Trung T, sinh năm 1993. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ dân phố C1, phường T, T phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 20 phút ngày 04/8/2018 tại khu vực đầu ngõ 85, đường HCD, phường HVT, T phố B, tổ công tác Công an phường L, T phố B bắt quả tang Giáp Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 gói giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine, thu tại nền đất cạnh nơi T đứng do T thả từ tay phải của mình xuống đất.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM POWER màu đen, BKS 98H4- 0389; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i.

Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng nghi ma túy vào 01 phong bì thư và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Đi cùng với Giáp Văn T là Giáp Văn T, đang đứng đợi T tại đầu ngõ 85, đường HCD, phường HVT, T phố B. Lực lượng Công an phường L đã yêu cầu T

về trụ sở Công an phường L để làm việc. Biết không che dấu được hành vi phạm tội của bản thân nên Giáp Văn T đã có đơn xin đầu thú, khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho lực lượng Công an 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Viettel V6216 và số tiền 200.000 đồng.

Kết luận giám định số 1009/KL-PC54 ngày 06/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Trong 01 phong bì thư niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,153 gam.

Quá trình điều tra Giáp Văn T và Giáp Văn T cùng khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 04/8/2018, T từ nhà điều khiển xe mô tô BKS 98H4 – 0389 đến nhà Giáp Văn T và rủ T đi xuống T phố B mua ma túy cùng sử dụng, T đồng ý. T chở T đi đến khu vực gần nhà hàng Rùa Vàng, thuộc phường L, T phố B thì T có nói với T “Tôi có 200.000 đồng còn thiếu 50.000 đồng nữa”, ý là T còn thiếu 50.000 đồng nữa để đi mua ma túy thì T đưa cho T 42.000 đồng để góp thêm tiền cho T đi mua ma túy cùng sử dụng. Sau đó T và T đi đến khu vực đầu ngõ 85, đường HCD, phường HVT, T phố B, T đi bộ vào trong ngõ để mua ma túy còn T đứng ở ngoài đợi. T vào một nhà trong ngõ, hỏi mua được của một người phụ nữ không quen biết 242.000 đồng tiền ma túy Heroine, trong đó có 42.000 đồng là tiền của T góp. Người phụ nữ cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói giấy bạc đựng ma túy. T cầm gói ma túy vừa mua được ở lòng bàn tay phải rồi đi đến chỗ T đang chờ. Đi được khoảng 20m thì bị lực lượng Công an kiểm soát bắt quả tang, do sợ hãi T đã thả gói ma túy của mình vừa mua được từ tay phải xuống đất nhưng vẫn bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6216, 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM POWER màu đen, BKS 98H4 - 0389, số tiền 200.000 đồng được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 203/CT-VKS ngày 13 tHg 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân T phố B đã truy tố các bị cáo Giáp Văn T và Giáp Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Giáp Văn H trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 98H4 – 0389 là của ông. Ngày 04/8/2018, ông cho bị cáo mượn để đi đón con, ông không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy. Nay ông đề nghị được nhận lại xe để làm phương tiện đi lại, sinh hoạt trong gia đình.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. T bố các bị cáo Giáp Văn T và Giáp Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giáp Văn T từ 01 năm 05 tHg đến 01 năm 08 tHg tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giáp Văn T từ 01 năm 02 tHg đến 01 năm 05 tHg tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2018.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6216 và số tiền 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại ông Giáp Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM POWER màu đen, BKS 98H4 – 0389.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giáp Văn T do bị cáo thuộc hộ nghèo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Giáp Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Giáp Văn T, Giáp Văn T, ông Giáp Văn H không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân T phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 20 phút ngày 4/8/2018 tại khu vực đầu ngõ 85, đường HCD, phường HVT, T phố B, Giáp Văn T và Giáp Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,153 gam chất ma túy Heroine để sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân T phố B, tỉnh B truy tố các bị cáo theo tội danh, điểm khoản, Điều trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đảng và Nhà nước đang quyết tâm loại trừ tệ nạn này. Nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã cố ý phạm tội nên cần xử phạt nghiêm để đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này. Các bị cáo cùng rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng việc phạm tội, chuẩn bị phương tiện và góp phần lớn số tiền đi mua ma túy nên có vai trò chính, bị cáo T có vai trò thứ hai trong vụ án. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

[4] Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân T phố B xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” năm 2015. Bị cáo T đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2013 và có một tiền sự về hành vi đánh bạc. Các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy cần có hình phạt tù giam, cách li các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục các bị cáo T công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T sau khi biết không thể che giấu hành vi phạm tội đã tự đầu thú tại Cơ quan điều tra. Bị cáo T có bố là bệnh binh, mẹ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương kHg chiến hạng nhất. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo .

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T: Ngày 17/9/2015 bị Tòa án nhân dân T phố B, tỉnh B xử phạt 02 năm 3 tHg tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến nay chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo T thuộc hộ nghèo; bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình, không có điều kiện kinh tế để đảm bảo thi hành án nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với người bán ma túy cho Giáp Văn T, do T khai mua của một người phụ nữ không quen biết nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cầm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động Nokia 1110i là tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6216 và số tiền 200.000đồng là tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM POWER màu đen, BKS 98H4 - 0389, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Giáp Văn H là bố đẻ của Giáp Văn T. Sáng ngày 04/8/2018, ông H có cho bị cáo T mượn chiếc xe trên nhưng không biết việc bị cáo T sử dụng xe để đi mua ma túy, nên cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Giáp Văn H.

[11] Về án phí: Bị cáo T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bỏ các bị cáo Giáp Văn T và Giáp Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tHg tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2018.

3. Về hình phạt: Áp dụng vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 01 (một) năm 04 (bốn) tHg tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/8/2018.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6216 và số tiền 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại ông Giáp Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM POWER màu đen, BKS 98H4 – 0389.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Giáp Văn T.
- Bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kHg cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kHg cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kHg cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND T phố B;
- Công an T phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

Số: 30/TA

B, ngày 10 tHg 12 năm 2018

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các Điều 45, Điều 260 và Điều 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 194/2018/HSST ngày 29 tHg 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân T phố B **có lỗi về chính tả** cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng thứ 13 từ trên xuống trang thứ 1 của Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đã ghi:

2. Bà Nguyễn Thị Biên

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

2. Bà Nguyễn Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PH – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường

